TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TRÀ VI**NH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2024/HS-ST
Ngày: 26-11-2024

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Đạt Thông
Ông Nguyễn Trần Đông
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Trần Mai Tâm– Thư ký tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Tấn Lợi– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/HSST, ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 07/11/2024 đối với:

Bị cáo Trương Minh T; Sinh ngày 01/01/1994 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Số 4/232, ấp R, xã V, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q, sinh năm 1964 và bà Lê Kim H, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; Trong tháng 02/2024 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 17/7/2024 ra đầu thú bị tạm giữ đến ngày 26/7/2024 tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Võ Ngọc T; sinh năm 1979. Cư trú: Khóm 5, thị trấn L, huyện H, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Anh Võ Thành P; sinh năm 1973. Cư trú: Ấp Bờ Kinh 1, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/Anh Trương Minh H; sinh năm 1987. Cư trú: Ấp R, xã V, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/Chị Nguyễn Hồng L; sinh năm 1981: Cư trú: Ấp B2, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

Người làm chứng:

1/Anh Nguyễn Văn A; sinh năm 1984. Cư trú: Ấp H, xã Hòa Tú II, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

2/Chị Lê Thị Mỹ N; sinh năm 1981. Cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng măt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mất cân đối về tài chính, vào đầu tháng 02 năm 2024, Trương Minh T nảy sinh ý định lợi dụng việc T làm nghề môi giới mua tôm (cò tôm) có hiểu biết về việc thu mua tôm để lừa đảo chiếm đoạt số tiền đặt cọc mua tôm của thương lA. Để thực hiện thủ đoạn này, do có quen biết anh Nguyễn Văn A nên T nhờ anh A sử dụng facebook để tìm kiếm người thu mua tôm có đăng thông tin số điện thoại, địa chỉ liên hệ để cung cấp cho T rồi T mua một sim rác (không đăng ký thông tin cá N) và trực tiếp gọi điện vào số điện thoại mà anh A lên mạng tìm được để trao đổi việc mua bán nhằm tạo lòng tin để lừa tiền đặt cọc của thương lA khi mua tôm để tiêu xài cá N. Vào ngày 20/02/2024, T và anh A đang uống nước tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Anh A sử dụng điện thoại lướt Facebook nhìn thấy tài khoản Facebook tên *"*Song Ve Đem*"* của anh Võ Thành P có đăng thông tin mua, bán tôm thẻ chân T và để số điện thoại số 0968.229.953. Anh A đưa điện thoại cho T để T trực tiếp liên lạc. Lúc này, T lấy số điện thoại của anh A là 0822.009.441 gọi vào số điện thoại anh P để hỏi thông tin, T biết được anh P làm nghề thu mua tôm ở tỉnh Trà Vinh. Khi gọi điện xong, T đưa điện thoại cho anh A. Sau đó, anh A đi về nhà.

Trong thời gian này, T lên mạng tìm thấy số điện thoại của chị Lê Thị H, sinh năm 1986, nơi cư trú ấp Vĩnh Khánh, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh. T điện thoại trao đổi biết chị H chỉ mua bán tôm nhỏ lẽ nên T nhờ chị H giới thiệu người có số lượng tôm lớn để hỏi mua. Thấy vậy, chị H cung cấp số điện thoại của chị Lê Thị Mỹ N (chị ruột chị H) cho T để trực tiếp liên hệ. Đến ngày 21/02/2024, T sử dụng số điện thoại 0367.902.624 gọi vào số điện thoại của chị Mỹ N và T tự giới thiệu T là người cần mua tôm (thương lái) hỏi chị Mỹ N có tôm bán không, chị Mỹ N cho biết mua được ao tôm khoảng 06 tấn, loại tôm khoảng 40 con/kg dự định thu tỉa khoảng 03 tấn cần sang lại. Lúc này, T thu thập thông tin về số lượng tôm, loại tôm, địa chỉ ao tôm do chị Mỹ N cung cấp. Sau khi thu thập thông tin, T gọi cho anh P và tự nhận T là chủ ao và có ao tôm dự định bán, đồng thời cung cấp thông tin, tình hình ao tôm như chị Mỹ N đã cung cấp cho T trước đó với anh P để tạo lòng tin. T hỏi giá tôm thế nào thì anh P kêu chờ một chút để anh P hỏi. Do anh P cũng là người môi giới thu mua tôm không trực tiếp đứng ra để thu mua mà giới thiệu lại cho chị Võ Ngọc T nhằm mục đích để hưởng tiền hoa hồng. Sau khi hỏi giá tôm từ chị T, anh P báo lại với T giá tôm khoảng 123.000 đồng đến 124.000 đồng/kg. T giả vờ đồng ý bán tôm cho anh P để tạo lòng tin và hẹn lại hôm sau là ngày 22/02/2024 sẽ dẫn đường đi lấy mẫu. T không trực tiếp liên hệ với chị T mà thông qua anh P.

Sau khi liên lạc được phía bên người mua là chị T (thông qua anh P), T gọi cho chị Mỹ N để sắp xếp thời gian đến coi tôm và lấy mẫu kiểm kháng sinh, đồng thời T

cũng điện thoại cho phía anh P để kêu anh P xuống ao lấy mẫu tôm về kiểm kháng sinh. T điện thoại song song qua lại giữa anh P và chị Mỹ N. Trong đó, T đóng hai vai, với anh P thì T giả danh là chủ ao (tức người bán), với chị Mỹ N thì T giả danh là thương lái (tức người mua tôm). Chị Mỹ N và anh P đều không biết mặt của T và họ cũng không biết nhau. Khi T kêu chị Mỹ N dẫn đường đi lấy mẫu tôm, chị Mỹ N không trực tiếp đi mà cung cấp số điện thoại của T cho anh Nguyễn ThA Yên, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp Cồn Cù, xã Đông H, huyện H, tỉnh Trà Vinh là N viên làm thuê cho chị Mỹ N để trực tiếp liên hệ dẫn đường đi lấy mẫu. Còn phía anh P, chị T cho anh Lê Tấn Thành, sinh năm 1980, nơi cư trú ấp Tân Khánh, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh là nhân viên của chị T để đi lấy mẫu kiểm kháng sinh. Tuy nhiên, khi anh Yên và anh Thành gặp nhau thì cả hai nhận ra nhau nên anh Thành điện thoại cho chị T hỏi lý do vì sao người dẫn đi bán tôm là N viên của chị Mỹ N. Chị T gọi lại cho anh P để hỏi rõ. Anh P mới điện cho T để hỏi lại, T đưa ra lý do chủ ao là bà con với nhân viên của chị Mỹ N nhưng không muốn bán cho chị Mỹ N nên anh P tin lời mà báo lại cho chị T biết và tiếp tục đến ao để lấy mẫu. Đến chiều ngày 22/02/2024, do kết quả lấy mẫu đạt, chị T báo lại cho anh P biết, anh P gọi báo cho T biết và thống nhất giá cả lượng tôm dưới ao loại 35 con/kg giá 135.000 đồng/kg và hẹn đến sáng ngày 23/02/2024 sẽ bắt tôm. T yêu cầu chuyển tiền để đặt cọc, anh P báo lại với chị T và chị T đồng ý chuyển tiền đặt cọc mua tôm. Anh P yêu cầu T cung cấp số tài khoản để chuyển tiền cọc. Lúc này, T sợ cung cấp số tài khoản của T khi lừa đảo xong sẽ bị Cơ quan Công an phát hiện. Nhân lúc T đang ngồi uống nước cùng với chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1981, nơi cư trú ấp B2, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại quán nước Ngọc Tiền của bà Dương Thị Bé Ba tại ấp Láng Giài, thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu. T nhờ chị L cho mượn số tài khoản để nhận tiền thì chị L đồng ý. Do không biết chữ, T nhờ chị L nhắn tin số tài khoản của chị L vào điện thoại Nokia TA-1203, loại bàn phím của T. Sau khi chị L bấm số tài khoản 7206205170694 vào điện thoại, T nhấn nút gửi cho anh P và anh P chuyển cho chị T để chị T chuyển tiền cọc mua tôm cho T.

Ban đầu, chị T chuyển tiền cọc 10.000.000 đồng vào tài khoản của chị L. Sau khi nhận được tiền, chị L báo cho T biết. T chở chị L đi đến trụ ATM ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu để rút tiền. Trong thời gian chị L vào rút tiền, T tiếp tục gọi điện cho anh P lấy lý do là vợ của T đòi chuyển thêm tiền cọc mua tôm. Anh P báo lại cho chị T nên chị T tiếp tục chuyển thêm 10.000.000 đồng vào tài khoản của chị L. Sau khi rút được 10.000.000 đồng đầu tiên, chị L trở vào trụ ATM để rút tiền thêm 10.000.000 đồng của chị T vừa chuyển đưa cho T. Khi nhận được 20.000.000 đồng, T đưa cho chị L 900.000 đồng tiền công, sau đó cả hai cùng về quán nước Ngọc Tiền ngồi uống nước một lúc, T trở về thành phố Bạc Liêu. Trên đường về thành phố Bạc Liêu, thấy anh P dễ tin người và có thể lừa thêm tiền, T tiếp tục gọi điện thoại cho anh P để kêu anh P chuyển thêm tiền cọc mua tôm với lý do là có người thân bị bệnh pH đi điều trị tại Bệnh viện Cần Thơ nhằm tạo lòng tin với anh P. Lúc này, anh P tin lời T nói là thật nên đã báo lại sự việc cho chị T thì chị T đồng ý chuyển thêm 15.000.000 đồng nữa vào số tài khoản của chị L. Khi nhận được tiền, T tiếp tục trở lại quán nước Ngọc Tiền chở chị L đi rút tiền tại trụ ATM ở

thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu để rút số tiền 15.000.000 đồng. Chị L rút tiền xong đưa cho T số tiền 15.000.000 đồng. T đưa cho chị L 600.000 đồng tiền công rồi chở chị L về quán Ngọc Tiền, sau đó T trở về thành phố Bạc Liêu. Do sợ anh P ngày mai bắt tôm phải tốn thêm chi phí vận chuyển và có thể xảy ra cự cãi với chủ ao thật. T nhìn thấy một người phụ nữ bán vé số không rõ họ tên, địa chỉ đi ngang, T kêu vào mua vé số và nhờ người này nhắn tin cho anh P với nội dung kêu anh P khỏi qua bắt tôm và cho số tài khoản để chuyển tiền trả. Sau đó, sợ bị Công an phát hiện, T đã cắt đứt liên lạc với những người có liên quan và vứt bỏ sim số 0367.902.624. Số tiền 35.000.000 đồng lừa đảo từ chị T, T đã tiêu xài cá N hết.

Do biết bị người khác lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chị T trình báo đến Cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tiến hành xác minh làm rõ. Đến ngày 17/7/2024, T biết việc lực lượng Công an đang tìm T làm việc, nhận thấy không thể trốn tránh được nữa nên T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đầu thú để nhận được sự khoan hồng của pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi thực hiện tội phạm.

Ngày 24/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam, đối với Trương Minh T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tiến hành điều tra làm rõ.

Đối với anh Nguyễn Văn A là người lên mạng xã hội Facebook tìm số điện thoại của anh Võ Thành P cung cấp cho Trương Minh T. Trong quá trình T gọi điện cho anh P để thực hiện hành vi lừa đảo thì anh A không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với chị Nguyễn Hồng L cung cấp số tài khoản ngân hàng cho T mượn, cùng T đi rút tiền và được hưởng lợi ích từ số tiền T lừa đảo có được nhưng tại thời điểm chị L cung cấp số tài khoản và nhận tiền, chị L không biết đây là số tiền do T phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Trương Minh T khai nhận cùng với anh Nguyễn Văn A thực hiện một vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác trên địa bàn thị xã H, tỉnh Trà Vinh. Ngày 04/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã có Công văn trao đổi với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H để tiếp tục xác minh. Ngày 30/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã có Công văn phúc đáp số 370/ĐTTH yêu cầu xử lý riêng do hiện tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H cần có thêm thời gian để xác minh làm rõ hành vi phạm tội của Trương Minh T và Nguyễn Văn A.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tạm giữ:

- 02 (hai) thẻ ATM, trong đó 01 (một) thẻ ATM ngân hàng HD SAIGON có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 716621581378, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 070144231544, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1203, màu đen, loại bàn phím, có số imei 353101113148828, bên trong có gắn thẻ sim có dòng chữ Vinaphone và dãy số 898402000 11635082884, đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 55 /CT-VKS, ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát N dân huyện H truy tố Trương Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trương Minh T khai nhận do không có tiền nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách giả vờ thu - mua bán tôm nên đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Võ Ngọc T với số tiền 35.000.000 đồng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện ra đầu thú và vận động người thân khắc phục hậu quả cho bị hại được 15.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng bị cáo đồng ý trả cho bị hại nhưng hiện tại bị cáo không có tiền khắc phục liền, nay bị cáo đã ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, Vị đại diện Viện kiểm sát N dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Minh T về tội danh và điều khoản đã đề cập trong cáo trạng, đồng thời phát biểu quan điểm luận tội, phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, N thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 xử phạt bị cáo Trương Minh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại chị Võ Ngọc T số tiền 20.000.000 đồng. Đối với anh Trương Minh H (anh ruột của bị cáo) đã dùng số tiền 15.000.000 đồng khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, anh H không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không xem xét; Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 02 (hai) thẻ ATM, trong đó 01 (một) thẻ ATM ngân hàng HD SAIGON có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 716621581378, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 070144231544, đã qua sử dụng. Riêng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1203, màu đen, loại bàn phím, có số imei 353101113148828, bên trong có gắn thẻ sim có dòng chữ Vinaphone và dãy số 898402000 11635082884, đã qua sử dụng, tài sản này là của bị cáo dùng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước; Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Trương Minh T pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Minh T sau khi nghe Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội, bị cáo không có ý kiến bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Minh T: Bị cáo đã ăn năn hối cãi xin Hội đồng xét giảm nhẹ mức hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa bị cáo Trương Minh T hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận vào khoảng tháng 02/2024, bị cáo Trương Minh T do không có tiền nên đã nhờ Nguyễn Văn A thông qua mạng xã hội dùng tài khoản facebook để tìm người thu mua tôm theo đó anh A đã nhìn thấy tài khoản facebook tên "Song ve Đem" của anh Võ Thành P có đăng thông tin mua bán tôm thẻ chân T nên anh A đưa số điện thoại cho bị cáo để bị cáo thực hiện việc gọi điện thoại cho anh P hỏi thăm thông tin nên bị cáo và anh P đã trao đổi việc mua bán tôm như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Võ Ngọc T số tiền 35.000.000 đồng, khi chiếm được số tiền bị cáo đã tiêu sài cá N hết, sau khi thực hiện hành vi sợ bị bắt nên bị cáo tự nguyện ra đầu thú. Do vậy, hành vi của bị cáo Trương Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Trương Minh T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá N được pháp luật bảo vệ mà còn góp phần gây mất trật tự địa P, trong vụ án này bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm đến Bộ luật hình sự, nhưng vì tư lợi cá N, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo bất chấp thủ đoạn nhằm chiếm hữu tài sản của người khác trA pháp luật. Do đó cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm so với điều luật đã được diện dẫn trên nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội,

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Minh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có N thân xấu đã từng bị kết án 05 tháng 25 ngày vào năm 2014 về tội đánh bạc.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Minh T trình độ học vấn không có nên việc am hiểu pháp luật có phần hạn chế, sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú, tác động người thân khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản lừa đảo có giá trị thấp gây thiệt hại không lớn, do đó những tình tiết này được xem là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo qui định tại điểm b, s khoản 1 và khỏan 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Võ Ngọc T đã nhận được số tiền do anh Trương Minh H (anh ruột bị cáo) bồi thường là 15.000.000 đồng, nay chị T yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn lại là 20.000.000 đồng, đồng thời chị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo cũng đồng ý bồi thường tiền cho chị T, do dó Hội đồng xét xử buộc bị cáo pH bồi thường tiếp cho chị T là 20.000.000 đồng. Riêng anh Võ Thành P sau khi biết chị Võ Thị T bị lừa nên đã tự nguyện thỏa thuận với chị T mỗi người chịu phân nửa và anh P đã chuyển khoản khắc phục hậu quả cho chị T số tiền 6.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này thì chị T và anh P đã tự thỏa thuận với nhau nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Trương Minh H (anh ruột của bị cáo) đã dùng số tiền 15.000.000

đồng khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, anh H không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Hồng L mặc dù có nhận số tiền 1.500.000 đồng của bị cáo cho nhưng chị L không biết số tiền này do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt mà có và bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục số tiền còn lại trả cho chị T nên Hội đồng xét xủ không truy truy thu lại số tiền này.

[6] Về vật chứng:

- 02 (hai) thẻ ATM, trong đó 01 (một) thẻ ATM ngân hàng HD SAIGON có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 716621581378, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 070144231544, đã qua sử dụng là của bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Riêng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1203, màu đen, loại bàn phím, có số imei 353101113148828, bên trong có gắn thẻ sim có dòng chữ Vinaphone và dãy số 898402000 11635082884, đã qua sử dụng là của bị cáo dùng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trương Minh T pH nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Viện kiểm sát N dân huyện H phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố bị cáo Trương Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Minh T 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ kể từ ngày 17/7/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Trương Minh T bồi thường tiếp cho bị hại chị Võ Ngọc T số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Trả lại cho bị cáo 02 (hai) thẻ ATM, trong đó 01 (một) thẻ ATM ngân hàng HD SAIGON có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 716621581378, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank có dòng chữ TRUONG MINH TRANG và dãy số 070144231544, đã qua sử dụng. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1203, màu đen, loại bàn phím, có số imei 353101113148828, bên trong có gắn thẻ sim có dòng chữ Vinaphone và dãy số 898402000 11635082884, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Trương Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/11/2024). Riêng Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
-Sở tư pháp tỉnh;
-VKSND huyện;
-CA huyện;
-Chi Cục THA huyện;
-UBND xã;
-Bi cáo; Những người TGTT;
-Lưu.

Nguyễn Thị Hoài Thanh